

Bản án số: 72/2025/HS-ST
Ngày 08-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thao

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Anh Thư - Thư ký Toà án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-HS ngày 25/3/2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1983, tại H; Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Phạm Thị K; Có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1988 và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị tạm giam từ ngày 11/02/2025, đến ngày 25/02/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH G; Địa chỉ: Khu công nghiệp T, thuộc Khu kinh tế Đ, phường A, quận A, thành phố A; Người đại diện theo pháp luật là ông Q - Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là công nhân của Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty), thuộc Khu công nghiệp Trảng Duyệt, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình làm việc, T phát hiện ngoài giờ làm việc tại khu vực sản xuất của Công ty có ít người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng hơn 06 giờ ngày 15/10/2024, Thành điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15H1-472.79 đến Công ty, đi vào khu vực sản xuất lấy được 01 thùng giấy bên trong có 100 lõi PIN Lithium rồi mang đến nhà bạn là chị Dương Thị L ở thôn Bách Phương 2, xã An Thắng, huyện An Lão nhờ cất hộ. Khoảng 14 giờ cùng ngày, qua kiểm tra Công ty phát hiện Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp tài sản nên đã đưa Thành đến Đồn Công an khu công nghiệp Trảng Duyệt trình báo và giao nộp 01 USB ghi lại hình ảnh vụ việc. Tại Cơ quan Công an, Thành khai nhận đã đưa số pin này cho chị Loan và giao nộp 01 xe mô tô biển kiểm soát 15H1-472.79, chị Loan đã nộp lại 01 thùng giấy chứa 100 lõi PIN Lithium.

Kết luận định giá tài sản số 134/KL-HĐĐG ngày 18/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Dương, kết luận: 100 lõi PIN Lithium loại 3,6V, model INR18650/25P, Rank A1, Line 8, Date 14/9/2024, dung lượng 2500mAh, trị giá 2.267.000 đồng.

Vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 100 lõi PIN Lithium cho Công ty TNHH G. Xe mô tô biển kiểm soát 15H1-472.79 và giấy tờ liên quan đến phương tiện, Cơ quan điều tra đã trả cho chị Phạm Thị Hương (vợ của Thành) là chủ sở hữu hợp pháp. 01 USB chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu T phải bồi thường.

Tại Cáo trạng số 65/CT-VKSAD ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên; bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử phạt mức hình phạt nhẹ nhất.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T như nội dung cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo; miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu Thành phải bồi thường nên không đề nghị

xem xét giải quyết; về án phí: bị cáo phải chịu án phí hành sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt bị hại tại phiên tòa: Trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại đã có lời khai đầy đủ nên việc bị hại vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ căn cứ kết luận: Khoảng hơn 06 giờ ngày 15/10/2024, Nguyễn Văn T đã lén lút chiếm đoạt 100 lõi PIN Lithium, có tổng trị giá 2.267.000 đồng của Công ty TNHH G, thuộc Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương (nay là quận An Dương), thành phố Hải Phòng. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn T có đủ năng lực phải chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận An Dương truy tố bị cáo Thành là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

[4] Tính chất vụ án ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4.1] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Thành phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình

điều tra và tại phiên toà bị cáo khẩn khai báo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về hình phạt chính: Xét thấy, bị cáo T có nhân thân tốt được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, bị cáo T có đủ điều kiện được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Về khẩu trừ thu nhập: Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định. Do vậy, miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo Thành.

[4.4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy, gia đình bị cáo T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 100 lõi PIN Lithium cho Công ty TNHH G; và đã trả cho chị Phạm Thị H (vợ của T) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15H1-472.79 và giấy tờ liên quan đến phương tiện là chủ sở hữu hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu Thành phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Thành phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[9] Các vấn đề khác: Đối với chị Dương Thị L, không biết số tài sản Nguyễn Văn T gửi là do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khẩu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án.

Giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

“1. Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.”

- Về hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Thành phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Thành được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn

15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận An Dương;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự - CATP Hải Phòng;
- **Cơ quan CSĐT – CATP Hải Phòng;**
- Phòng PV 06; Phòng PC 10; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận An Dương;
- Bị cáo; bị hại;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thao